

Đơn vị: Trường THCS NGUYỄN ĐỨC CẢNH
Chương: 622 -070-073

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 31 tháng 5 năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2021

(Kèm theo thông báo số: /TB - TrTHCS ngày 31/5/2021 của trường THCS Nguyễn Đức Cảnh)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ quyết định số: 182/QĐ-PGD&ĐT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của phòng Giáo dục & Đào tạo thị xã Đông Triều "Về việc giao dự toán ngân sách năm 2021";

Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I/2021 và ngoài ngân sách kỳ 2 năm học 2020-2021 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Thực hiện quý II năm 2021	Thực hiện quý II/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý II năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2		4	5	6
A	Các khoản thu ngoài ngân sách NN				
I	Tổng số thu	765.099.000	409.231.000	53,49	185,69
1	Phí, lệ phí	381.000.000	226.200.000	59,37	-
2	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu	28.500.000	0	-	-
3	Tiền học Tiếng Anh NN	221.400.000	93.030.000	42	185,69
4	Tiền nước uống	44.289.000	14.721.000	-	-
5	Tiền xe đạp	89.910.000	29.920.000	-	-
6	Tiền kỹ năng sống	131.040.000	45.360.000	-	-
II	Chi từ nguồn thu được để lại	896.139.000	248.111.482	28	88,49
1	Phí, lệ phí	381.000.000	65.080.482	17	-
2	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu	28.500.000	0	-	-
3	Tiền học Tiếng Anh NN	221.400.000	93.030.000	42	185,69
4	Tiền nước uống	44.289.000	14.721.000	33	160,36
5	Tiền xe đạp	89.910.000	29.920.000	-	-
6	Tiền kỹ năng sống	131.040.000	45.360.000	35	-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	-	-	-

IV	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối năm		161.119.518	-	313,35
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.305.000.000	1.712.070.291	27,15	48,13
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.305.000.000	1.712.070.291	27,15	48,13
a	Chi thanh toán cá nhân	5.509.000.000	1.159.442.287	21,05	49,32
	Mục 6000: Tiền lương	2.843.640.000	613.969.314	21,59	50,19
	Mục 6050: Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		14.680.478		47,02
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.645.360.000	357.238.995	21,71	48,77
	Mục 6200: Tiền thưởng	20.000.000			-
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	20.000.000	1.595.000	7,98	39,38
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	980.000.000	170.885.700	17,44	47,48
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		1.072.800		-
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	771.000.000	453.846.533	58,86	37,92
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	60.000.000	27.835.508	46,39	23,93
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	97.000.000	194.709.000	200,73	131,89
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	19.000.000	4.686.425	24,67	5,55
	Mục 6650: Hội nghị	10.000.000		-	-
	Mục 6700: Công tác phí	100.000.000	15.630.000	15,63	26,02
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	100.000.000	29.214.000	29,21	65,15
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	141.800.000	103.784.000	73,19	38,85
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	120.000.000		0,00	0,00
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	123.200.000	77.987.600	63,30	21,49
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	-	5.600.000	-	37,33
	Tiêu mục 7053: Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	-	5.600.000	-	37,33
d	Các khoản chi khác	25.000.000	93.181.471	372,73	1.018,38
	Mục 7750: Chi khác	25.000.000	93.181.471	372,73	1.018,38

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Hồng Quảng